

Composition:

Chlorpheniramine maleate.....4mg
Excipients q.s.....1 tablet



CHLORPHENIRAMINE 4mg

Chlorpheniramin maleat 4mg

HỘP 5 VỈ x 20 VIÊN NÉN / Box of 5 blisters x 20 tablets

Mekophar **GMP-WHO**



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR
Mekophar Chemical Pharmaceutical Joint-Stock Company
297/5 Lý Thường Kiệt - P.15 - Q.11 - TP.HCM - Việt Nam



BỘC KỶ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
TRƯỚC KHI DÙNG.
ĐỀ XA TÂM TAY TRẺ EM.
Tiêu chuẩn áp dụng: DVN IV.
Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh sáng,
nhiệt độ không quá 30°C.
Số lô SX/Batch No.:
Ngày SX/Mfg. Date:
HD/Exp. Date:

CÔNG THỨC:
Chlorpheniramin maleat.....4mg
Tã được vừa đủ.....1 viên
CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG,
CHÔNG CHỈ ĐỊNH &
CÁC THÔNG TIN KHÁC:
Xem tờ hướng dẫn sử dụng.
SDK/Reg. No.:

CHLORPHENIRAMINE 4mg



III. NHÃN CHAI:

(Số lô, ngày sản xuất, hạn dùng in phun trên đáy chai)

CÔNG THỨC: Chlorpheniramin maleat.....4mg Tá dược vừa đủ.....1 viên	100 VIÊN NÉN CHLORPHENIRAMINE 4mg GMP-WHO Chlorpheniramin maleat 4mg	ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG. ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM. Tiêu chuẩn áp dụng: ĐBVN IV Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C. SDK:
CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH & CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xem tờ hướng dẫn sử dụng.	 CTCP HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR 297/5 Lý Thường Kiệt-P.15-Q.11-TP.HCM-VN	



CHLORPHENIRAMINE 4mg

Viên nén

CÔNG THỨC:

- Chlorpheniramin maleat..... 4 mg
- Tá dược vừa đủ 1 viên.

(Lactose, Tinh bột sắn, Tinh bột ngô, Microcrystalin cellulose, Coloidal silicon dioxyd, màu Quinolin, Magnesi stearat).

TÍNH CHẤT:

Chlorpheniramin, dẫn xuất của alkylamin, là một kháng histamin có tác dụng an thần nhẹ. Tác dụng kháng histamin của Chlorpheniramin thông qua phong bế cạnh tranh các thụ thể H₁ của các tế bào tác động.

CHỈ ĐỊNH:

- Viêm mũi dị ứng mùa và quanh năm.
- Những triệu chứng dị ứng khác:
 - +Mày đay, viêm mũi vụn mạch do histamin, viêm kết mạc dị ứng, viêm da tiếp xúc, phù mạch, phù Quincke, dị ứng thức ăn, phản ứng huyết thanh.
 - +Côn trùng đốt.
 - +Ngứa ở người bệnh bị sởi hoặc thủy đậu.

CÁCH DÙNG:

- Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 1 viên, mỗi 4 - 6 giờ. Tối đa 6 viên/ngày.
- Trẻ em từ 6 đến 12 tuổi: ½ viên, mỗi 4 - 6 giờ. Tối đa 3 viên/ngày.
- Trẻ em từ 2 đến dưới 6 tuổi: ¼ viên, mỗi 4 - 6 giờ. Tối đa 1 ½ viên/ngày.
- Trẻ em dưới 2 tuổi: dùng theo chỉ dẫn của bác sỹ.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.
- Người bệnh đang cơn hen cấp.
- Người bệnh có triệu chứng phì đại tuyến tiền liệt.
- Glaucom góc hẹp.
- Tắc cổ bàng quang.
- Loét dạ dày chít, tắc môn vị – tá tràng.
- Trẻ sơ sinh và trẻ sinh thiếu tháng.
- Bệnh nhân đã hay đang dùng các thuốc ức chế monoamin oxydase (MAO) trong vòng 2 tuần trước đó.

THẬN TRỌNG:

- Bệnh nhân có bệnh phổi mạn tính, thở ngắn hoặc khó thở.
- Người cao tuổi (> 60 tuổi) vì thường tăng nhạy cảm với tác dụng chống tiết acetylcholin.
- Tránh dùng cho người bệnh bị tăng nhãn áp như bị glaucom.
- Chlorpheniramin có thể làm tăng nguy cơ bí tiểu tiện do tác dụng phụ chống tiết acetylcholin của thuốc, đặc biệt ở người bị phì đại tuyến tiền liệt, tắc đường niệu, tắc môn vị tá tràng, và làm trầm trọng thêm ở người bệnh nhược cơ.
- Tác dụng an thần của Chlorpheniramin tăng lên khi uống rượu và khi dùng đồng thời với các thuốc an thần khác.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY:

- Tránh dùng thuốc này cho người lái xe và người vận hành máy móc do thuốc có thể gây ngủ gà, chóng mặt, hoa mắt, nhìn mờ.



THỜI KỲ MANG THAI - CHO CON BÚ:

- Phụ nữ có thai chỉ dùng Chlorpheniramin khi thật cần thiết. Dùng thuốc trong 3 tháng cuối thai kỳ có thể dẫn đến những phản ứng nghiêm trọng (như cơn động kinh) ở trẻ sơ sinh.
- Cần cân nhắc không cho con bú hoặc không dùng thuốc, tùy thuộc mức độ cần thiết của thuốc đối với người mẹ.

TÁC DỤNG PHỤ:

- Buồn ngủ, an thần, khô miệng, chóng mặt, buồn nôn.
- Thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

- Các thuốc ức chế monoamin oxydase làm kéo dài và tăng tác dụng chống tiết acetylcholin của thuốc kháng histamin.
 - Rượu, các chế phẩm chứa cồn hoặc các thuốc an thần gây ngủ có thể tăng tác dụng ức chế hệ thần kinh trung ương của Chlorpheniramin.
 - Chlorpheniramin ức chế chuyển hóa Phenytoin và có thể dẫn đến ngộ độc Phenytoin.
- Đề tránh tương tác giữa các thuốc, thông báo cho bác sỹ hoặc dược sỹ về những thuốc đang sử dụng.

QUÁ LIỀU & CÁCH XỬ TRÍ:

Những triệu chứng và dấu hiệu quá liều bao gồm an thần, kích thích nghịch thường hệ thần kinh trung ương, loạn tâm thần, cơn động kinh, ngừng thở, co giật, tác dụng chống tiết acetylcholin, phản ứng loạn trương lực và trụy tim mạch, loạn nhịp.

Nếu trường hợp quá liều xảy ra, đề nghị đến ngay cơ sở y tế gần nhất để nhân viên y tế có phương pháp xử lý.

HẠN DÙNG:

36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không sử dụng thuốc hết hạn dùng.

BẢO QUẢN:

Nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

TRÌNH BÀY:

- Vi 20 viên. Hộp 5 vi.
- Chai 100 viên.

Tiêu chuẩn áp dụng: ĐCVN IV

Đề xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA – DƯỢC PHẨM MEKOPHAR
297/5 Lý Thường Kiệt – Q11 – TP. Hồ Chí Minh – Việt Nam



Ngày 02 tháng 7 năm 2015

Tổng Giám Đốc



ĐS. Huỳnh Thị Lan